

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-HC

Sa Đéc, ngày tháng 11 năm 2022

V/v báo cáo kết quả tự chấm
điểm các tiêu chí đánh giá, xếp
loại công tác dân vận chính
quyền thành phố Sa Đéc
năm 2022

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện Công văn số 2495/SNV-CCCQ ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Sở Nội vụ về việc báo cáo và tự đánh giá chấm điểm kết quả thực hiện dân chủ, công tác dân vận chính quyền năm 2022.

Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc báo cáo kết quả tự chấm điểm các tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác dân vận chính quyền thành phố Sa Đéc năm 2022 với số điểm tự chấm là 96,18 điểm (*đính kèm bảng chấm điểm*).

Kính báo đến Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp xem xét, thẩm định trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xếp loại theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và PCT.UBND Thành phố;
- Phòng Nội vụ Thành phố;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hon

BẢNG CHẤM ĐIỂM

Các tiêu chí đánh giá công tác dân vận thành phố Sa Đéc năm 2022
(Kèm theo Công văn số /UBND-HC ngày /11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc)

STT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định
1	Tiêu chí 01: Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn về công tác dân vận của chính quyền	10.00	9.98	
1.1	Tổ chức triển khai, quán triệt đầy đủ, kịp thời các văn bản của Trung ương, của Tỉnh về công tác dân vận như: Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước	3.00	3	
	Triển khai 01 năm ít nhất 01 lần, đầy đủ nội dung, bằng các hình thức phù hợp và đạt 95% trở lên cán bộ, công chức, viên chức tham dự: 03 điểm.	3.00	3.00	
	Nếu có triển khai nhưng không đầy đủ nội dung, không đạt tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức tham dự: 01 điểm.	1.00		
	Không triển khai: 00 điểm.	0.00		
1.2	Có phân công công chức lãnh đạo phụ trách công tác dân vận tại cơ quan, đơn vị, địa phương.	2.00	2	
	Có phân công công chức phụ trách công tác dân vận theo Quyết định số 762-QĐ/TU, ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Tỉnh ủy Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị Tỉnh: 02 điểm.	2.00	2.00	
	Có phân công công chức phụ trách nhưng không đúng theo Quyết định số 762-QĐ/TU: 01 điểm.	1.00		
	Không phân công công chức phụ trách: 00 điểm.	0.00		
1.3	Có ban hành kế hoạch thực hiện công tác dân vận của cơ quan, đơn vị, địa phương và thực hiện đạt hiệu quả.	5.00	4.98	
1.3.1	Kế hoạch thực hiện công tác dân vận của chính quyền ban hành đúng quy định	2.50	2.5	
	Nội dung phải gắn với nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị và địa phương; kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm; thời gian ban hành trong quý I của năm kế hoạch	2.50	2.50	
	Kế hoạch ban hành bảo đảm nội dung nhưng trễ so với thời gian quy định	1.00		

STT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định
	Kế hoạch ban hành không bảo đảm nội dung và trễ thời gian quy định	0.00		
1.3.2	Tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong Kế hoạch đã ban hành	2.50	2.48	
	Đạt 100% kế hoạch: 2,5 điểm.	2.50		
	Đạt từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x 2,5)/100%	2.48	2.48	
	Đạt dưới 80%	0.00		
2	Tiêu chí 02: Thực hiện nhiệm vụ chính trị	10.00	9.9	
2.1	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trong năm và tổ chức tuyên truyền, vận động thực hiện đạt các chỉ tiêu đề ra.	7.00	6.93	
	Đạt 100% kế hoạch: 07điểm	7.00		
	Đạt từ 80% – dưới 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x 7)/100%	6.93	6.93	
	Không ban hành chương trình, kế hoạch: 00 điểm	0.00		
2.2	Các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (nhiệm vụ được giao) trong năm khi ban hành (tham mưu ban hành) triển khai thực hiện được Nhân dân và cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), người lao động đồng tình ủng hộ và mang lại hiệu quả thiết	3.00	2.97	
	Đạt 100%: 03 điểm.	3.00		
	Đạt từ 80% – dưới 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % đạt được x 3)/100%	2.97	2.97	
	Không đánh giá được sự đồng tình ủng hộ của Nhân dân và hiệu quả mang lại của việc thực hiện chương trình, kế hoạch: 00 điểm.	0.00		
3	Tiêu chí 03: Thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính	10.00	10	
3.1	Cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời xử lý và chủ động khắc phục khi phát hiện có phản ánh phiền hà của người dân và doanh nghiệp đối với hoạt động quản lý của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.	4.00	4.00	
	Đạt 100%: 04 điểm.	4.00	4.00	
	Đạt từ 80% – dưới 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức (Tỷ lệ % hoàn thành x 4)/100%	3.96		
	Dưới 80%: 00 điểm.	0.00		
3.2	Thực hiện nghiêm và đầy đủ việc công khai, minh bạch các thủ tục hành chính theo quy định. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm việc giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định; kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm những hành vi nhũng nhiễu, vò	3.00	3	
3.2.1	Thực hiện nghiêm và đầy đủ việc công khai, minh bạch các thủ tục hành chính theo quy định.	1.50	1.5	

STT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định
	Công khai thủ tục hành chính đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận Một cửa và trên Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương: 1,5 điểm.	1.50	1.50	
	Công khai thủ tục hành chính không đầy đủ, không đúng quy định, không cập nhật kịp thời khi có thay đổi: 00 điểm.	0.00		
3.2.2	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm việc giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định; kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm những hành vi những nhiễu, vôi vĩnh, gây phiền hà cho tổ chức và người dân.	1.50	1.5	
	Thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính; bảo đảm việc giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định; kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm những hành vi những nhiễu, vôi vĩnh, gây phiền hà cho tổ chức và người dân: 1,5 điểm.	1.50	1.50	
	Có kết luận của cấp có thẩm quyền từ 01 trường hợp bị xử lý kỷ luật trở lên hoặc phản ánh của người dân về hành vi những nhiễu, vôi vĩnh của công chức gây phiền hà đúng sự thật: 00 điểm.	0.00		
3.3	Hàng năm, tổ chức kiểm tra nội bộ (hoặc rà soát, kiến nghị) để phát hiện những bất cập trong các quy định về thủ tục hành chính, quy trình giải quyết hồ sơ, nhằm cải tiến, hợp lý hóa thủ tục hành chính, quy trình giải quyết hồ sơ, không để xảy ra tình trạng	3.00	3	
3.3.1	Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong năm so với tổng số cơ quan, đơn vị đề ra trong kế hoạch kiểm tra (kế hoạch kiểm tra đề ra ít nhất kiểm tra 50% số đơn vị thuộc, trực thuộc). Nếu tỷ lệ:	2.00	2	
	Đạt 100% kế hoạch đề ra: 02 điểm.	2.00	2.00	
	Dưới 100% kế hoạch đề ra: 00 điểm.	0.00		
3.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, báo cáo kết quả khắc phục hạn chế	1.00	1	
	Có xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, báo cáo kết quả khắc phục hạn chế: 01 điểm	1.00	1.00	
	Không có	0.00		
4	Tiêu chí 04: Giải quyết khiếu nại, tố cáo	10.00	9.3	
4.1	Cơ quan, đơn vị, địa phương phải chỉ đạo xử lý, giải quyết kịp thời đơn, thư kiến nghị các vụ việc khiếu nại, tố cáo của Nhân dân (nếu có).	5.00	4.3	
	Đạt 100%: 05 điểm	5.00		
	Đạt từ 80% – dưới 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x 5)/100%	4.95	4.30	
	Dưới 80%: 00 điểm.	0.00		
4.2	Không để trễ hạn trong việc giải quyết đơn thư, khiếu nại. Thực hiện tốt công tác thanh tra nhân dân, công tác hòa giải ngay từ cơ sở.	5.00	5	

STT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định
4.2.1	Trễ hạn trong việc giải quyết đơn thư, khiếu nại	2.00	2	
	Không để trễ hạn trong việc giải quyết đơn thư, khiếu nại: 02 điểm.	2.00	2.00	
	Để trễ hạn từ 01 đơn thư, khiếu nại trở lên: 00 điểm.	0.00		
4.2.2	Thực hiện tốt tác thanh tra nhân dân	1.50	1.5	
	Thực hiện tốt công tác thanh tra nhân dân: 1,5 điểm	1.50	1.50	
	Thực hiện không tốt để xảy ra đơn thư, khiếu nại, phản ánh trong nội bộ cơ quan, đơn vị, địa phương từ 02 trường hợp trở lên: 00 điểm.	0.00		
4.2.3	Thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở	1.50	1.5	
	Thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở đạt từ 80% trở lên so với tổng vụ việc phát sinh trong năm: 1,5 điểm.	1.50	1.50	
	Dưới 80 %: 00 điểm.	0.00		
5	Tiêu chí 05: Xây dựng cơ quan văn hóa, công sở văn minh, các quy định về đạo đức công vụ, tác phong làm việc, quy tắc ứng xử	10.00	7	
5.1	Xây dựng ban hành Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức và người lao động tại cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện tốt các quy định về Quy tắc ứng xử khi thi hành công vụ, tiếp xúc, giải quyết công việc với tổ chức và Nhân dân; hưởng ứng và thực hiện	3.00	3	
5.1.1	Ban hành Quy tắc ứng xử	1.00	1	
	Có ban hành Quy tắc ứng xử: 01 điểm.	1.00	1.00	
	Không ban hành: 00 điểm.	0.00		
5.1.2	Thực hiện các quy định về Quy tắc ứng xử	1.00	1	
	Đạt 100%: 01 điểm.	1.00	1.00	
	Đạt từ 80% – dưới 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x 1)/100%	0.99		
	Dưới 80%: 00 điểm.	0.00		
5.1.3	Hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng văn hoá công vụ trong đội ngũ CBCCVC do Thủ tướng phát động	1.00	1	
	Có hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng văn hoá công vụ trong đội ngũ CBCCVC do Thủ tướng phát động: 01 điểm.	1.00	1.00	
	Không có hưởng ứng và tổ chức thực hiện cuộc vận động: 00 điểm	0.00		
5.2	Cơ quan, đơn vị, địa phương không có CBCCVC thuộc phạm vi quản lý suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; vi phạm pháp luật, gây mất đoàn kết nội bộ và bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.	2.00	0	
	Thực hiện tốt nội dung tiêu chí này: 02 điểm.	2.00		

STT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định
	Có kết luận của cấp có thẩm quyền từ 01 trường hợp bị xử lý kỷ luật trở lên hoặc suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, mất đoàn kết nội bộ: 00 điểm.	0.00	0.00	
5.3	Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức trong đội ngũ CBCCVC tạo sự chuyển biến tích cực về xây dựng và thực hiện phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, hướng dẫn	2.00	2	
	Tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp đến toàn thể CBCCVC và người lao động trong cơ quan, đơn vị và địa phương, bảo đảm đầy đủ các văn bản sau: Quy tắc ứng xử của cơ quan, đơn vị và địa phương; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí M	2.00	2.00	
	Nếu có tuyên truyền nhưng không đầy đủ nội dung: 01 điểm	1.00		
	Không tuyên truyền: 00 điểm.	0.00		
5.4	Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, giải quyết nhanh, có hiệu quả công việc của tổ chức và cá nhân; quan tâm công tác tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống cho CBCCVC; chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật, siết chặt kỷ cương hành chính trong CBCCVC.	3.00	2	
5.4.1	Hồ sơ bị trễ hạn	1.00	1	
	Không có hồ sơ bị trễ hạn; không có kết luận của cấp có thẩm quyền sai phạm về đơn thưa, phản ánh của cá nhân, tổ chức liên quan đến tiến độ và hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị: 01 điểm.	1.00	1.00	
	Có hồ sơ bị trễ hạn; có kết luận của cấp có thẩm quyền sai phạm về đơn thưa, phản ánh của cá nhân, tổ chức liên quan đến tiến độ và hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị từ 01 trường hợp trở lên: 00 điểm.	0.00		
5.4.2	Vi phạm đạo đức, lối sống, kỷ luật, kỷ cương hành chính của CBCCVC	1.00	0	
	Không có kết luận của cấp có thẩm quyền vi phạm đạo đức, lối sống, kỷ luật, kỷ cương hành chính của CBCCVC: 01 điểm.	1.00		
	Có kết luận của cấp có thẩm quyền vi phạm đạo đức, lối sống, kỷ luật, kỷ cương hành chính từ 01 trường hợp trở lên: 00 điểm.	0.00	0.00	
5.4.3	Chỉ đạo chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật, siết chặt kỷ cương hành chính trong CBCCVC	1.00	1	
	Có chỉ đạo chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật, siết chặt kỷ cương hành chính trong CBCCVC: 01 điểm.	1.00	1.00	
	Không có chỉ đạo chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật, siết chặt kỷ cương hành chính trong CBCCVC: 00 điểm.	0.00		
6	Tiêu chí 6: Thực hiện dân chủ	10.00	10	

STT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định
6.1	Thường xuyên kiện toàn, phát huy vai trò của Ban chỉ đạo, Ban vận động thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nội dung theo pháp lệnh, nghị định và các văn bản chỉ đạo về thực hiện dân chủ.	7.00	7	
6.1.1	Quan tâm kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đối với cấp huyện; kiện toàn Ban vận động thực hiện Quy chế dân chủ đối với các sở, ngành Tỉnh	2.00	2	
	Thường xuyên quan tâm kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đối với cấp huyện; kiện toàn Ban vận động thực hiện Quy chế dân chủ đối với các sở, ngành Tỉnh: 02 điểm.	2.00	2.00	
	Không thực hiện kiện toàn: 00 điểm.	0.00		
6.1.2	Thực hiện nghiêm túc các nội dung theo Nghị định, Pháp lệnh, văn bản chỉ đạo của cấp trên về Quy chế dân chủ ở cơ sở	5.00	5	
	Đạt 100%: 05 điểm.	5.00	5.00	
	Đạt từ 80% – dưới 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:	4.95		
6.2	Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và địa phương phải công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành, gương mẫu trong công tác và sinh hoạt, chịu trách nhiệm cá nhân, nói đi đôi với làm, thực sự là tấm gương sáng cho CBCCVC noi theo.	3.00	3	
	Thực hiện công khai, minh bạch theo đúng nội dung quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và kế hoạch thực hiện Quy c	3.00	3.00	
	Có kết luận của cấp có thẩm quyền về các sai phạm hoặc không hoàn thành tốt nhiệm vụ hoặc không thực hiện công khai, minh bạch đúng quy định: 00 điểm	0.00		
7	Tiêu chí 7: Sáng tạo trong thực hiện công tác dân vận, xây dựng mô hình “Dân vận khéo”	10.00	10	
7.1	Hàng năm, mỗi địa phương (UBND huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn) có ít nhất 02 sáng kiến (cách làm hay) về “Dân vận khéo” được thực hiện đạt hiệu quả; mỗi cơ quan, đơn vị (sở, ngành Tỉnh; phòng, ban cấp huyện) có ít nhất 01 sáng kiến (cách làm hay)	4.00	4	
	Có ít nhất 02 mô hình Dân vận khéo (Đối với UBND cấp huyện) hoặc Có ít nhất 01 mô hình Dân vận khéo (Đối với sở, ngành): 4 điểm	4.00	4.00	
	Nếu có 01 mô hình Dân vận khéo: 02 điểm. (Chỉ áp dụng đối với UBND cấp huyện)	2.00		
	Không có mô hình Dân vận khéo: 00 điểm.	0.00		

STT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định
7.2	Thường xuyên giới thiệu, tuyên truyền, nhân rộng và áp dụng thực hiện các mô hình, điển hình “Dân vận khéo” bằng các hình thức phù hợp tại cơ quan, đơn vị và địa phương.	2.00	2	
	Có tuyên truyền, nhân rộng các mô hình “Dân vận khéo” trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Phát thanh, truyền hình, Trang (Cổng) Thông tin điện tử...: 02 điểm.	2.00	2.00	
	Có mô hình nhưng không tuyên truyền, nhân rộng: 00 điểm.	0.00		
7.3	Hàng năm, mỗi địa phương (UBND huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn) tổ chức ít nhất 02 hoạt động; mỗi cơ quan, đơn vị (sở, ngành Tỉnh; phòng, ban cấp huyện) tổ chức ít nhất 01 hoạt động về công tác dân vận của chính quyền nhằm giúp đỡ Nhân dân và CBCCV	4.00	4	
	Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức ít nhất 02 hoạt động về công tác dân vận của chính quyền (Sở, ngành tổ chức ít nhất 01 hoạt động về công tác dân vận chính quyền): 4 điểm	4.00	4.00	
	Tổ chức được 01 hoạt động: 02 điểm. (Chỉ dành cho UBND cấp huyện)	2.00		
	Không tổ chức được hoạt động nào: 00 điểm.	0.00		
8	Tiêu chí 08: Công tác phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, CBCCVC và Nhân dân tham gia xây dựng chính quyền, giám sát và phản biện xã hội	10.00	10	
8.1	Cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành cơ chế, tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, CBCCVC, người lao động và Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng chính quyền.	4.00	4	
8.1.1	Ban hành quy chế phối hợp giữa cơ quan, đơn vị và địa phương với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội về giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng chính quyền	2.00	2	
	Có ban hành quy chế: 02 điểm	2.00	2.00	
	Không có ban hành quy chế: 00 điểm	0.00		
8.1.2	Tạo điều kiện để các đoàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng chính quyền theo kế hoạch của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đề ra	2.00	2	
	Các cơ quan, đơn vị tạo điều kiện để các đoàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng chính quyền theo kế hoạch của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đề ra: 02 điểm.	2.00	2.00	
	Không ký ban hành quy chế phối hợp về giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng chính quyền với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và không tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện kế hoạch g	0.00		

STT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định
8.2	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tại cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo khả năng của cơ quan, đơn vị, địa phương.	3.00	3.00	
	Các sở, ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động: 03 điểm.	3.00	3.00	
	Không hỗ trợ dẫn đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động không hoàn thành tốt nhiệm vụ: 00 điểm.	0.00		
8.3	Các cấp chính quyền duy trì chế độ làm việc định kỳ 06 tháng, 01 năm với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp.	3.00	3	
	Thực hiện đạt nội dung tiêu chí này: 03 điểm	3.00	3.00	
	Chỉ họp 01 lần/01 năm: 1,5 điểm.	1.50		
	Không duy trì họp định kỳ: 00 điểm.	0.00		
9	Tiêu chí 09: Thực hiện công tác tiếp dân	10.00	10	
9.1	Công khai lịch tiếp công dân; bố trí nơi tiếp công dân đúng quy định; thực hiện tốt chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân và chế độ tiếp dân định kỳ, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân	5.00	5	
9.1.1	Công khai lịch tiếp công dân	1.00	1	
	Có công khai lịch tiếp công dân: 01 điểm.	1.00	1.00	
	Không công khai lịch tiếp công dân: 00 điểm.	0.00		
9.1.2	Bố trí nơi tiếp công dân đúng theo quy định	1.00	1	
	Bố trí nơi tiếp công dân đúng theo quy định: 01 điểm	1.00	1.00	
	Không bố trí nơi tiếp công dân: 00 điểm.	0.00		
9.1.3	Thực hiện chế độ tiếp dân định kỳ và thường xuyên	3.00	3	
	Thực hiện chế độ tiếp dân định kỳ và thường xuyên: 03 điểm.	3.00	3.00	
	Không thực hiện chế độ tiếp dân định kỳ và thường xuyên: 00 điểm	0.00		
9.2	Giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, kiến nghị chính đáng của CBCCVC, người lao động và Nhân dân.	5.00	5	
	Thực hiện đạt nội dung tiêu chí này (hoặc Trong năm không có phát sinh những bức xúc, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân): 05 điểm.	5.00	5.00	
	Giải quyết không kịp thời để tồn đọng những bức xúc, kiến nghị chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân hoặc để xảy ra đơn thư, khiếu nại kéo dài từ 01 trường hợp trở lên: 00 điểm.	0.00		
10	Tiêu chí 10: Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo; điểm thưởng	10.00	10	

STT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định
10.1	Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân vận tại cơ quan, đơn vị, địa phương (báo cáo 6 tháng, cuối năm); báo cáo đúng thời gian quy định, nội dung báo cáo bảo đảm theo đề cương.	6.00	6	
10.1.1	Báo cáo kết quả công tác dân vận của chính quyền 6 tháng, cuối năm phải đáp ứng đầy đủ nội dung theo đề cương và gửi đúng thời gian quy định tại Kế hoạch thực hiện công tác dân vận của chính quyền hằng năm: 03 điểm.	4.50	4.50	
10.1.2	Báo cáo chuyên đề, số liệu về công tác dân vận của chính quyền đầy đủ nội dung đúng yêu cầu	1.50	1.50	
10.2	Chính quyền các cơ quan, đơn vị, địa phương, không bị cơ quan cấp trên phê bình, nhắc nhở bằng văn bản.	3.00	3	
	Cơ quan, đơn vị, địa phương không bị cơ quan cấp trên phê bình, nhắc nhở bằng văn bản: 03 điểm.	3.00	3.00	
	Có văn bản của cấp trên phê bình, nhắc nhở: 00 điểm	0.00		
10.3	Có mô hình, điển hình trong phong trào thi đua “Dân vận khéo” được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen.	1.00	1.00	
	Có	1.00	1.00	
	Không	0.00		

	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm đánh giá		Tổng điểm đạt được	Chỉ số
		Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định		
Kết quả đạt được	100	96.18			